

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2023/HS-ST.
Ngày: 25-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đức Chung.
- Bà Trần Thị Ngọc Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 248/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2023/QĐXXST-HS ngày 12/12/2023, đối với bị cáo:

Lê Minh T (tên gọi khác: không), sinh năm 1987, tại tỉnh Tiền Giang; nơi thường trú: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Minh L và bà Hồ Thị N (đã chết); tiền án: Ngày 20/3/2007, bị cáo T bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” đối với hành vi thực hiện khoảng tháng 5/2006. Tổng hợp hình phạt với 12 tháng tù của Bản án số 25/2006/HSST ngày 24/8/2006 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm tù. Lê Minh T đã chấp hành hình phạt tại Trại giam C1 đến ngày 04/3/2010 thì chấp hành xong, chưa chấp hành xong phần án phí và bồi thường dân sự; tiền sự: không; nhân thân:

Ngày 24/8/2006, Lê Minh T bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 30/3/2006.

Ngày 26/4/2011, Lê Minh T bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 08/12/2010. Lê Minh T chấp hành hình phạt tại Trại giam T3 đến ngày 08/4/2014

thì chấp hành xong, đã chấp hành xong phần án phí; ngày 05/3/2023, Lê Minh T bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Hoàng Phú L1, sinh năm 2000; đăng ký thường trú: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; tạm trú: Ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trịnh Minh V, sinh năm 1993; trú tại: Ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Bá Q, sinh năm 1997; trú tại: Ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Minh T là đối tượng nghiện ma túy đá, không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng đầu tháng 3/2023, T đến thuê phòng trọ số 39, nhà trọ Trần Thị Cẩm T1, thuộc ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương ở để đi tìm việc làm.

Khoảng 18 giờ ngày 24/02/2023, H (chưa rõ lai lịch) là bạn quen biết xã hội với T đến phòng trọ của T chơi và rủ T đi trộm cắp xe mô tô đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 68M6-8302 chở H đi trên đường ĐT744 tìm tài sản để trộm. Đến khoảng 18 giờ 25 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn đường thuộc ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương trước nhà anh Hoàng Phú L1, H phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 48E1-095.66 đang dựng phía trước sân, đầu xe hướng vào phía trong nhà, chìa khóa cắm sẵn trên xe nên kêu T dừng lại. H chỉ cho T thấy xe mô tô biển số 48E1-095.66 rồi kêu T vào lấy trộm, còn H đứng ngoài canh giới. T xuống xe lên lút đi bộ vào ngồi lên xe mô tô biển số 48E1-095.66 rồi mở chìa khóa đề nổ máy điều khiển xe chạy ra đường ĐT744 theo hướng đến xã A, còn H điều khiển xe mô tô biển số 68M6-8302 chạy theo phía sau. Khi đi được khoảng 100m, T dừng xe mô tô biển số 48E1-095.66 lại giao cho H điều khiển đi tìm nơi tiêu thụ, còn T điều khiển xe mô tô biển số 68M6-8302 chạy về phòng trọ của mình.

Đối với anh Hoàng Phú L1, khoảng 19 giờ cùng ngày, khi đi làm về, anh L1 phát hiện mất xe mô tô biển số 68M6-8302 nên đến Công an xã P trình báo và cung cấp đoạn camera ghi lại hình ảnh đối tượng lấy trộm xe.

Qua công tác xác minh, đến ngày 05/3/2023, lực lượng Công an xã P đã tiến hành mời Lê Minh T làm việc thì T đã khai nhận hành vi lấy trộm xe mô tô biển số 68M6-8302. Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 68M6-8302; 01 nón bảo hiểm màu đỏ, 01 áo khoác màu xám của Lê M (bút lục số 14,15).

Theo Bản kết luận định giá tài sản ngày 10/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, trắng - đen, biển số 48E1-095.66 trị giá 26.500.000 đồng (bút lục số 91-95).

Quá trình điều tra, Lê Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của T phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. T khai: Sau khi lấy trộm xe mô tô 48E1-095.66, T giao xe cho H đi tiêu thụ nhưng H không quay lại (bút lục số 81-90, 159-160).

* Về vật chứng:

- Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, trắng - đen, biển số 48E1-095.66 do anh Trịnh Minh V đứng tên đăng ký. Ngày 17/6/2015, anh V bán xe lại cho anh Nguyễn Bá Q. Đến khoảng thời gian đầu tháng 01/2023, anh Q cho anh Hoàng Phú L1 là em vợ của anh Q mượn sử dụng thì bị mất trộm (bút lục: 161-168).

- Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 68M6-8302 do ông Nguyễn Việt T2, sinh năm 1955, nơi thường trú: Khu phố V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (đã chết) đứng tên đăng ký. T khai mua lại xe mô tô này từ tiệm xe máy cũ nhưng không nhớ rõ địa điểm và thời gian cụ thể mua xe (bút lục: 169-173).

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Bá Q yêu cầu Lê Minh T phải bồi thường số tiền 26.500.000 đồng theo như kết quả định giá xe mô tô biển số 48E1-095.66 của Hội đồng định giá. T đồng ý bồi thường nhưng hiện tại chưa có điều kiện bồi thường.

Bản Cáo trạng số 266/CT-VKSBC ngày 24/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát truy tố bị cáo Lê Minh T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T khai nhận: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về quá trình tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và Kiểm sát viên; không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 10/3/2023 của Hội đồng định giá trong Tố tụng thị xã B. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 26.500.000 đồng cho anh Nguyễn Bá Q.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 22 đến 24 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 68M6-8302, là phương tiện Lê Minh T sử dụng để phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 nón bảo hiểm màu đỏ, 01 áo khoác màu xám của Lê Minh T.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho Nguyễn Bá Q số tiền 26.500.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo trở về với gia đình, lo làm ăn để có tiền trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

[2.1] Tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với Biên bản kiểm tra, trích xuất hình ảnh camera và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả.

[2.2] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn thực hiện thể hiện bản chất liều lĩnh, bất chấp hậu quả và thái độ xem thường pháp luật.

[2.3] Hành vi lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, trắng - đen, biển số 48E1-095.66 trị giá 26.500.000 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do đó, bản Cáo trạng số 266/CT-VKSBC ngày 24/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát cũng như ý kiến luận tội

của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội cướp giật tài sản nhưng không ăn năn hối cải, lại tiếp tục phạm tội cho thấy bản chất liều lĩnh, xem thường pháp luật. Do đó, với lần phạm tội này cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm đủ sức để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Năm 2007, bị cáo bị kết án về tội “cướp giật tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp tiền án phí nên chưa được xóa án tích nên bị cáo thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Riêng đối tượng tên H chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 26.500.000 đồng theo yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Bá Q. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015 nên ghi nhận.

Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 68M6-8302 là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Đối với vật chứng gồm 01 nón bảo hiểm màu đỏ, 01 áo khoác màu xám của bị cáo không có giá trị sử dụng nên căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng dân sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng nêu trên.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 05/3/2023.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường số tiền 26.500.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Bá Q.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án xong.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 68M6-8302.

Tịch thu tiêu hủy 01 nón bảo hiểm màu đỏ và 01 áo khoác màu xám của bị cáo T.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.325.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an T4;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

Nguyễn Văn Phương